TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06- 9 -2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thuỷ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đoàn Hồng Canh**
2. Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh P
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1992
Nơi cư trú: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh P
(Chị H và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C ngày 06/12/2012, hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị sống chung. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, anh C đi làm không vun vén cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C xác định vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Hà L, sinh ngày 02/6/2014 và cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 17/6/2016.

Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu N, yêu cầu

anh C cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị H đề nghị tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn – anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 06/12/2012, hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị sống chung. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng chưa hiểu nhau, có nhiều bất đồng về tính cách. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Hà L, sinh ngày 02/6/2014 và cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 17/6/2016.

Ly hôn anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu L và cháu N. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn C đề nghị tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đang cư trú tại huyện T, tỉnh P, do đó Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau ngày 06/12/2012, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh P. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh C đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, anh C đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh C hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C có 2 con chung là cháu Nguyễn Hà L, sinh ngày 02/6/2014 và cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 17/6/2016. Ly hôn, chị H đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu L và cháu N, đồng thời yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Anh C nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu N đồng thời tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C giao cháu Nguyễn Hà L và Nguyễn Ánh N cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng theo tháng, từ tháng 9/2024 đến khi cháu L và cháu N thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định, do các bên thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu 50% án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; 58, 81; 82; 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C có 2 con chung là cháu Nguyễn Hà L, sinh ngày 02/6/2014 và cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 17/6/2016. Giao cháu Nguyễn Hà L và Nguyễn Ánh N cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu L và cháu N thành niên.

Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng theo tháng, từ tháng 9/2024 đến khi cháu L và cháu N thành niên.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/2023/0003806 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Thuỷ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thuỷ;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy